

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2020

V/v báo cáo thực hiện các nội
dung liên quan theo yêu cầu
của Bộ Tài chính tại Văn bản
số 12009/BTC-NSNN ngày
01/10/2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 12009/BTC-NSNN của Bộ Tài chính về kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội từ năm 2019 trở về trước tỉnh Bình Định; theo đó; tại Khoản 3, Mục IV về kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018, 2019, Bộ Tài chính đề nghị địa phương bổ sung xác nhận về thời điểm xảy ra thiệt hại của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn địa phương và các quyết định thực chi (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước) để có cơ sở hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương theo quy định.

Trên cơ sở báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2513/SNN-KHTH ngày 30/10/2020 về việc cung cấp các văn bản xác nhận thời điểm xảy ra thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018, 2019 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; báo cáo số liệu thực chi có xác nhận KBNN của các huyện, thị xã, thành phố và kết quả tổng hợp của Sở Tài chính, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ kinh phí về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018, 2019 trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ và nội dung yêu cầu tại Văn bản số 12009/BTC-NSNN ngày 01/10/2020 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

1. Kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018, 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định:

a. Tổng kinh phí quyết toán hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018: 30.273,25 triệu đồng. Theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% tổng kinh phí quyết toán là 21.191,27 triệu đồng.

b. Tổng kinh phí quyết toán hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2019: 37,79 triệu đồng. Theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% tổng kinh phí quyết toán là 26,46 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Xác nhận thời điểm xảy ra thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2018, 2019 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định:

- Về xác nhận thời điểm xảy ra thiệt hại về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản do thiên tai gây ra năm 2018: Thực hiện nội dung Văn bản số 199/TWPCTT ngày 18/12/2018 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai về việc báo cáo tổng hợp thiệt hại do mưa lũ. Sau khi kiểm tra, UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 7983/UBND-KT ngày 25/12/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương về việc tình hình thiệt hại do mưa lũ từ ngày 08/12-17/12/2018 và đề nghị hỗ trợ khẩn cấp cho tỉnh Bình Định. Qua đó, UBND tỉnh Bình Định đã báo cáo nhanh tình hình mưa lớn xảy ra trong tháng 12/2018 trên địa bàn tỉnh Bình Định, lượng mưa phổ biến 300-500 mm đã gây ngập lụt 82/159 xã, phường. Nhà dân thuộc lưu vực sông Côn-Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang bị ngập từ 0,5m đến 0,8m. Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện lực và sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nặng nề. Đời sống của nhân dân các huyện Hoài Ân, An Lão, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thị xã An Nhơn vô cùng khó khăn (chi tiết thiệt hại tại Văn bản số 7983/UBND-KT ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định gửi kèm theo).

- Về xác nhận thời điểm xảy ra thiệt hại về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản do thiên tai gây ra năm 2019: Thực hiện Văn bản số 578/TWPCTT-VP ngày 12/11/2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 344/PCTT ngày 19/11/2019 báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó Sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo tình hình thiệt hại do bão số 5, 6 và đề nghị hỗ trợ khẩn cấp cho tỉnh Bình Định. Qua đó, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bình Định đã báo cáo về công tác ứng phó, khắc phục mưa, bão số 5, số 6 và tổng hợp thiệt hại sau 02 đợt bão (chi tiết tình hình ứng phó, khắc phục mưa, bão và tổng hợp thiệt hại sau 02 đợt bão số 5 và số 6 tại Văn bản số 314/PCTT ngày 04/11/2019, Văn bản số 336/PCTT ngày 12/11/2019 và Văn bản số 344/PCTT ngày 19/11/2019 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Định gửi kèm theo).

3. Cung cấp các quyết định thực chi của các huyện, thị xã, thành phố và bảng xác nhận thực chi của Kho bạc Nhà nước: đính kèm cụ thể theo Văn bản này.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NSNN – Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỂ
KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI
(Trong vụ Thu 2018 và vụ Đông Xuân 2018 - 2019)**

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: ha, triệu đồng

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	TỔNG HỢP THIẾT HẠI							NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ			TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHỊ										KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ		
		Tổng giá trị thiết hại (triệu đồng)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%			DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%				<i>Trong đó</i>			Tổng giá trị thiết hại	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%					Tổng NSNN hỗ trợ	<i>Trong đó</i>				
			Ngô và rau màu <i>(ha)</i>	Cây công nghiệp <i>(ha)</i>	Cây ăn quả lâu năm <i>(ha)</i>	Lúa thuần <i>(ha)</i>	Lúa lai <i>(ha)</i>	Cây công nghiệp <i>(ha)</i>	Cây ăn quả lâu năm <i>(ha)</i>					NSTW hỗ trợ (tr.đồng) (70%)	NSDP đảm bảo (tr.đồng) (30%)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền	Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả lâu năm	Lúa thuần	Lúa lai		Ngô và rau màu	Cây công nghiệp		Cây ăn quả lâu năm	NSTW hỗ trợ 70%
	TỔNG SỐ		833.7	163.4	14.1	199.5	170.0	79.6	2.7	15.658,28	6.710.69	0.0	27.277.08	13.039.2	243.4	114.9	49.6	0.0	0.0	0.0	13.8	14.3	0.0	27.277.08	19.093.97	8.183.11	0.0	0.0	19.093.97
1	TP Quy Nhơn		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1.177,11	504,47	0	1.681,58	840,79	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.681,58	1.177,11	504,47	0,0	0,0	1.177,11
2	Thị xã An Nhơn		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2.333,75	1.000,18	0	3.333,92	1.666,96	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.333,92	2.333,75	1.000,17	0,0	0,0	2.333,75
3	Huyện Tuy Phước		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	3.559,44	1.525,47	0	5.084,91	2.542,45	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.084,91	3.559,44	1.525,47	0,0	0,0	3.559,44
4	Huyện Phù Cát		115,0	49,9	0,0	0,0	0,0	24,1	0,0	5.224,59	2.239,11	0	7.442,84	3.486,11	0	114,90	49,60	0	2,0	0	13,83	14,30	0	7.442,84	5.209,99	2.232,85	0,0	0,0	5.209,99
5	Huyện Phù Mỹ		420,7	61,3	0,0	0,0	0,0	54,9	0,0	4.699,92	2.014,25	0	5.407,83	2.703,92	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.407,83	3.785,48	1.622,35	0,0	0,0	3.785,48
6	Thị xã Hoài Nhơn		98,6	0,0	0,0	128,0	0,0	0,0	0,0	3.104,48	1.330,49	0	4.051,80	1.767,90	172,00	0	0	0	0	0	0	0	0	4.051,80	2.836,26	1.215,54	0,0	0,0	2.836,26
7	Huyện Vĩnh Thạnh		4,2	0,0	0,0	0,0	0,0	0,3	0,0	54,84	23,50	0	62,18	31,09	0	0	0	0	0	0	0	0	0	62,18	43,52	18,66	0,0	0,0	43,52
8	Huyện An Lão		12,3	50,4	0,0	0,0	27,5	0,0	0,0	398,02	170,58	0	212,03	0	71,38	0	0	0	0	0	0	0	0	212,03	148,42	63,61	0,0	0,0	148,42

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG VẬT NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2018**

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: con, triệu đồng

ST T	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	TỔNG HỢP THIẾT HẠI							NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ			Tổng giá trị thiệt hại	TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI												KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ
			Lợn đến 28 ngày tuổi (con)	Lợn trên 28 ngày tuổi (con)	Lợn nái và lợn đực đang khai thác (con)	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi (con)	Bò sữa trên 6 tháng tuổi (con)	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi (con)	Dê, cừu (con)					Trong đó			Gia cầm đến 28 ngày tuổi	Gia cầm trên 28 ngày tuổi	Lợn đến 28 ngày tuổi	Lợn trên 28 ngày tuổi	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Bê cái hướn g sữa đến 6 tháng tuổi	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi	Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi	Dê, cừu	Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó			
										NSTW hỗ trợ (tr.đ) (70%)	NSDP đảm bảo (tr.đ) (30%)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đồng)		NSTW hỗ trợ 70%	NSDP đảm bảo 30%	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền												Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền			
	TỔNG SỐ		962	1.045	12	0	0	86	28	4.095,85	1.755,36	0,0	2.976,17	13.958	80.230	345	277	12	0	0	1	1	28	2.976,17	2.083,32	892,85	0	0	2.083,32		
1	Thị xã An Nhơn		0	266	0	0	0	0	0	886,07	379,74	0	1.265,81	0	35.987	0	266	0	0	0	0	0	0	1.265,81	886,07	379,74	0	0	886,07		
2	Huyện Phù Cát		345	11	0	0	0	1	21	1224,38	524,74	0	1.710,36	13.958	44.243	345	11	0	0	0	1	1	21	1.710,36	1.197,25	513,11	0	0	1.197,25		

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NUÔI TRỒNG THỦY, HẢI SẢN ĐỀ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2018
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: ha, triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	TỔNG HỢP THIẾT HẠI				KINH PHÍ HỖ TRỢ			TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI							KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ	
		Tổng giá trị thiệt hại (tr.đ)	THIỆT HẠI ĐỐI VỚI NUÔI TRỒNG THỦY, HẢI SẢN				Tổng NSNN hỗ trợ (tr.đồng)	Trong đó		Tổng giá trị thiệt hại	THIỆT HẠI ĐỐI VỚI NUÔI TRỒNG THỦY, HẢI SẢN						Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó				
			Thiệt hại hơn 70%	Thiệt hại từ 30- 70%				NSDP đảm bảo (tr.đồng) (30%)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền (tr.đồng)		Thiệt hại hơn 70%			Thiệt hại từ 30- 70%				NSTW hỗ trợ 70%	NSDP đảm bảo 30%	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSTW quy ra tiền		Hỗ trợ bằng hiện vật từ NSDP quy ra tiền
			Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác (ha)	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa (ha)	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh (ha)	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản (ha)					Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	Diện tích nuôi cá trồng thủy, hải sản khác	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản						
	TỔNG SỐ		1,712	0,170	0,000	0,040	143,130	42,939	0,00	20,00		0,800				20,00	14,00	6,00	0,00	0,00	14,00	
1	Thị xã An Nhơn		0	0	0	0	20,00	6,000	0	20,00		0,800				20,00	14,00	6,00	0	0	14,00	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỀ
KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI VỤ HÈ THU NĂM 2019
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

DVT: ha, triệu đồng

TT	Huyện, thành phố	TỔNG HỢP THIẾT HẠI											TỔNG HỢP THIẾT HẠI THỰC CHI											KINH PHÍ QUYẾT TOÁN					Đề nghị NSTW hỗ trợ
		Tổng giá trị thiệt hại (triệu đồng)	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%						DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%				Tổng giá trị thiệt hại	DIỆN TÍCH THIẾT HẠI HƠN 70%					DIỆN TÍCH THIẾT HẠI TỪ 30%-70%					Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó				
			Lúa lai (ha)		Ngô và rau màu (ha)		Cây công nghiệp (ha)	Cây ăn quả lâu năm (ha)			Lúa lai (ha)				Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả lâu năm	Lúa thuần	Lúa lai	Ngô và rau màu	Cây công nghiệp		Cây ăn quả lâu năm				
	TỔNG SỐ	200,5	601,6	223,2	446,3	134,4	3,4	13,6	797,0	110,3	165,4	88,8	6,6	6,9	0,0	0,0	0,0	1,4	1,6	0,0	0,0	0,0	37,8	26,5	11,3	0,0	0,0	26,5	
1	TP Quy Nhơn	6,9	20,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1,4	1,6	2,4	88,82	6,6	6,9	0	0	0	1,4	1,6	0	0	0	37,79	26,46	11,34	0	0	26,46	

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT THIÊN TAI DO THIÊN TAI GÂY RA NĂM 2018 VÀ 2019
(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2020 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng kinh phí NSNN hỗ trợ			Giống cây trồng năm 2018			Giống vật nuôi 2018			Giống thủy sản 2018			Giống cây trồng năm 2019		
		Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%	Tổng NSNN hỗ trợ	NSTW hỗ trợ (70%)	NSDP đảm bảo 30%
1	2	3=4+5	4=7+10+13+16	5=8+11+14+17	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ	30.311,07	21.217,75	9.093,32	27.277,08	19.093,97	8.183,11	2.976,17	2.083,32	892,85	20,00	14,00	6,00	37,79	26,46	11,34
1	TP Quy Nhơn	1.719,38	1.203,57	515,81	1.681,58	1.177,11	504,47	-			-			37,79	26,46	11,34
2	Thị xã An Nhơn	4.619,74	3.233,82	1.385,92	3.333,92	2.333,75	1.000,17	1.265,81	886,07	379,74	20,00	14,00	6,00	-		
3	Huyện Tuy Phước	5.084,91	3.559,44	1.525,47	5.084,91	3.559,44	1.525,47	-			-			-		
4	Huyện Tây Sơn		-	-												
5	Huyện Phù Cát	9.153,20	6.407,24	2.745,96	7.442,84	5.209,99	2.232,85	1.710,36	1.197,25	513,11	-			-		
6	Huyện Phù Mỹ	5.407,83	3.785,48	1.622,35	5.407,83	3.785,48	1.622,35	-			-			-		
7	Huyện Hoài Ân		-	-												
8	Thị xã Hoài Nhơn	4.051,80	2.836,26	1.215,54	4.051,80	2.836,26	1.215,54	-			-			-		
9	Huyện Vân Canh		-	-												
10	Huyện Vĩnh Thạnh	62,18	43,52	18,66	62,18	43,52	18,66	-			-			-		
11	Huyện An Lão	212,03	148,42	63,61	212,03	148,42	63,61	-			-			-	-	-